**Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì II môn công nghệ 7**

**NĂM HỌC : 2023-2024**

1. **KHUNG MA TRẬN**

**- Thời lượng kiểm tra:** Hết tuần 30

**- Thời gian làm bài:**45 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% nhận biết; 30% thông hiểu; 20% vận dụng; 10% vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm khách quan: 5,0 điểm, ( Biết 6 câu , hiểu 9 câu).

- Phần trắc nghiệm tự luận: 5,0 điểm(*Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội**  **dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | | **%**  **Tổng**  **điểm** |
| **Số CH** | **Câu hỏi** | **Số CH** | **Câu hỏi** | **Số CH** | **Câu hỏi** | **Số CH** | **Câu hỏi** | **TN** | | **TL** |
| **1** | **1. Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 1.2. Vật nuôi ở nước ta |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 1.3. Phương thức chăn nuôi | **1** | **C1** | **1** | **C3** |  |  |  |  | **2** | |  | **6,67** |
| 1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi | **1** | **C2** |  |  |  |  |  |  | **1** | |  | **3,33** |
| **2** | **2. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi | **1** | **C4** | **2** | **C5, C6** |  |  |  |  | **3** | |  | **1,0** |
| 2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi |  |  | **2** | **C7,**  **C8** |  |  |  |  | **2** | |  | **6,67** |
| 2.3. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
|  | **3.Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | 3.1Chuồng nuôi. | **2** | **C9**  **C10** |  |  |  |  |  |  | **2** | |  | **6.67** |
| 3.2Thức ăn, cho ăn |  |  | **1** | **C11** | **1** | **C17** |  |  | **1** | | 1 | **23,3** |
| 3.3 Phòng, trị bệnh cho gà. |  |  | **1** | **C12** |  |  |  |  | **1** | |  | **3,33** |
| 3.4 Một số bệnh phổ biến ở gà. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 3.5 Một số bệnh phổ biến ở gà. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 3 | **III. Thủy sản** | 3.1. Vai Trò của thủy sản | **2** | **C13**  **C16** |  |  |  |  |  |  | **1** | | 1 | **23,3** |
| Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. |  |  | **1** | **C14** |  |  |  |  | **1** | |  | **3,33** |
| 3.4. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản |  |  | **1** | **C15** |  |  | **1** | **C18** | **1** | | **1** | **13,3** |
| **Tổng** | | | 7 | | **9** | | **1** | | **1** | | **15** | **3** | | **18** |
| **Điểm** | | | **4,0** | | **3.0** | | **2,0** | | **1,0** | |  | | | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **50%** | | **50%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | | **100** | | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ, LỚP: 7, THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng**  **cao** |
| **1** | **1.Giới thiệu về chăn nuôi** | ***1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.   * Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt Nam |  |  |  |  |
| ***1.2. Các loại vật nuôi đặc trưng ở nước ta*** | **Nhận biết:**   * Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm…). * Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm…). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. |  |  |  |  |
| ***1.3. Phương thức chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  | **1** |  |  |
| ***1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng,**  **chăm sóc và phòng, trị bệnh**  **cho vật nuôi** | ***2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. * Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. * Các giai đoạn sinh sản của vật nuôi * Hiểu kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | **2** |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| ***2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. –   - Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. |  | 2 |  |  |
| **Vận dụng cao:**   * Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình. |  |  |  |  |
| ***2.3. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  |  |  |
|  | **3. Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | 4.1. Chuồng nuôi. | **Nhận biết:**   * Trình bày được tiêu chẩn kĩ thuật của chuồng nuôi gà thịt trong nông hộ. * Nêu được vai trò của lớp độn chuồng và lớp sàn thoáng của chuồng nuôi gà thịt trong nông hộ. | 2 |  |  |  |
|  | 4.2. Thức ăn và cho ăn. | **Nhận biết:**   * Nêu được nguyên tắc cho gà ăn ở các lứa tuổi khác nhau.   **Thông hiểu:**   * Nhận biết được các loại thức ăn, thành phần dinh dưỡng trong các loại thức ăn cho gà thịt.   **Vận dụng:**   * Đề xuất bốn loại nguyên liệu (thuộc bốn nhóm dinh dưỡng) sẵn có trong gia đình, địa phương em phù hợp để làm thức ăn cho gà. |  | 1 | 1 |  |
|  | 4.3. Chăm sóc cho gà. | **Nhận biết:**   * Nêu được đặc điểm sinh lí của gà con.   **Thông hiểu:**   * Trình bày được cách chăm sóc gà phù hợp với từng giai đoạn. |  |  |  |  |
|  | 4.4. Phòng, trị bệnh cho gà. | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên tắc cơ bản trong phòng, trị bệnh cho gà.   **Thông hiểu:**   * Giải thích vì sao trong phòng, trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính. * Hiểu được những công việc nên và không nên làm trong phòng,trị bệnh cho gà |  | 1 |  |  |
|  | 4.5. Một số bệnh phổ biến ở gà. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được một số bệnh phổ biến ở gà.  **Thông hiểu:**   * Trình bày được các biểu hiện, nguyên nhân và cách phòng, trị bệnh cho gà. |  |  |  |  |
| 3 | **4. Thuỷ sản** | 5.1. Vai trò của thủy sản. | **Nhận biết:**   * Nhận biết được các vai trò của thủy sản.   **Thông hiểu:**   * Trình bày được vai trò của thủy sản đối với con người | **2** |  |  |  |
| 5.2. Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. | **Thông hiểu:**   * Kể tên được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. |  | **1** |  |  |
| 5.3. Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. | **Nhận biết:**   * Biết được một số biện pháp khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.   **Thông hiểu:**   * Nêu được ý nghĩa của việc khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. |  |  |  |  |
|  | 5.4. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản. | **Nhận biết:**   * Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.   **Thông hiểu:**  *-* Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.  **Vận dụng cao:**  *-* Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của địa phương. |  | **1** |  | **1** |
| **Tổng** | | |  | **7** | **9** | **1** | **1** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS**  **Lớp Trường THCS** | | **KIỂM TRA HỌC KỲ II (2023 – 2024)**  **MÔN : CÔNG NGHỆ 7**  **Thời gian làm bài : 45 phút** |
| **Số báo danh :** | **Phòng thi :** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm :** | **Chữ ký của giám khảo** | **Chữ ký của giám thị** |

**I. TRẮC NGHIỆM: ( 5 điểm)**

***Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:** ***Đâu là đặc điểm của chăn nuôi nông hộ?***

A. Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi lớn.

B. Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi ít.

C. Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi nhiều.

D. Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi tuỳ theo từng trang trại.

**Câu 2 Đâu *không* phải là nhiệm vụ của bác sĩ thú y?**

A. Phòng bệnh cho vật nuôi. B. Khám bệnh cho vật nuôi.

C. Chế biến thức ăn chăn nuôi. D. Chữa bệnh cho vật nuôi..

**Câu 3*: Phương thức chăn nuôi trang trại ở nước ta hiện nay có những ưu điểm gì?***

A. Chi phí đầu tư thấp, ít dịch bệnh. B. Chi phí đầu tư cao, nguy cơ dịch bệnh cao

C. Chi phí đầu tư thấp, năng suất cao. D. Năng suất cao, ít dịch bệnh

**Câu 4. *Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi là:***

A. tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi. B. tăng kích thước vật nuôi.

C. tăng chất lượng sản phẩm. D. giúp vật nuôi khỏe mạnh

**Câu 5 *Cần cho vật nuôi non bú sữa đầu càng sớm càng tốt vì:***

A. sữa đầu chứa nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

B. sữa đầu có chứa kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**C. sữa đầu có chứa kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.**

D. sữa đầu có chứa vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**Câu 6.** ***Trong các cách cho đực giống ăn sau đây, cách nào là đúng?***

A. Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

B. Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu lipid.

C. Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

D. Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất lipid.

**Câu 7.*Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?***

A. Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm. B. Bán ngay khi có thể.

C. Báo ngay cho cán bộ thú y đến khảm để điều trị kịp thời.

D. Tự mua thuốc về điều trị.

**Câu 8: *Đâu không phải là công việc chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi?***

A. Cho vật nuôi ăn đủ chất dinh dưỡng B. Giữ ấm cho vật nuôi non

C. Bán và mổ thịt vật nuôi ốm D. Giữ vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ

.**Câu 9**. ***Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?***

A. Càng kín càng tốt, mát về mùa đông, ấm về mùa hè.

B. Thông thoáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

C. Có độ ẩm cao, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

D. Có độ ẩm thấp, mát về mùa đông, ấm về mùa hè.

**Câu 10.** ***Trong chăn nuôi gà thịt, việc thay lớp độn chuồng và làm tổng vệ sinh nền chuồng khi nào là phù hợp nhất?***

A. Sau khi nuôi được 1 tháng. B. Sau khi nuôi được 2 tháng.

C. Sau khi nuôi được 3 tháng. D. Sau mỗi lứa gà.

**Câu 11. *Trong các nhóm thức ăn sau , nhóm thức ăn nào cho gà là đảm bảo đủ dinh dưỡng?***

A. Gạo,thóc, ngô, bột cá. B. Rau muống cơm nguội, ngô,thóc

C. Ngô, bột cá, rau xanh, kô dầu lạc D. Bột ngô, rau,xanh,cám gạo,cơm nguội

**Câu 12**. ***Để phòng bệnh cho gà hiệu quả cần thực hiện tốt nội dung nào sau đây?***

A. Thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ. B. Cho ăn càng nhiều tinh bột càng tốt.

C. Sử dụng thuốc đúng liều lượng. D. Cho gà ăn thức ăn hỏng, mốc.

**Câu 13*.******Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của nuôi thuỷ sản đối với con người****:*

A. cung cấp nguồn thức ăn giàu tinh bột cho con người.

B. cung cấp nguồn thức ăn giàu chất đạm cho con người.

C. cung cấp nguồn thức ăn giàu chất xơ cho con người.

D. cung cấp môi trường sống trong lành cho con người

**Câu 14:**  ***Đâu là thủy sản có giá trị xuất khẩu cao?***

A. Tôm hùm, cá lăng, cua biển B. Cá tra, cá trê,cá tràu

C. Cá song, cá rô, cá ngừ D. Tôm, cá leo,cá tra

**Câu 15*. Đâu là biện pháp để bảo vệ nguồn lợi thủy sản?***

A. Xây dựng khu bảo tồn, bảo vệ phục hồi hệ sinh thái biển C. Đánh bắt bằng điện

B. Tổ chức chức đánh gần bờ, mở rộng vùng khai thác xa bờ D. Thả bả độc

**II. TỰ LUẬN. ( 5 điểm)**

**Câu 16**. **( 2 điểm**) Trình bày vai trò của thủy sản.

**Câu 17. (2 điểm)**Em hãy đề xuất bốn loại nguyên liệu (thuộc bốn nhóm dinh dưỡng) sẵn

có trong gia đình, địa phương em phù hợp để làm thức ăn cho gà.

**Câu 18. (1 điểm).** Hãy đề xuất những việc em nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của địa phương.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM CN 7 HKII**

**( 2023 -2024)**

**A. Trắc nghiệm (5 điểm): Mỗi ý đúng được 0,33 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | B | C | D | A | C | A | C | C | B | D | C | A | B | A | A |

**B. Tự luận (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Điểm** |
| 16 | - Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người.  - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu.  - Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi.  - Tạo thêm công việc cho người lao động.  - Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho con người.  -  Khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. | (2 điểm) |
| 17 | Đúng mỗi nhóm 0,5 điểm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Chất đạm** | **Tinh bột** | **Chất béo** | **Vitamin, khoáng chất** | | Đầu cá,tôm, giun, cá vụn | Lúa, ngô.. | Khô lạc.. | Rau lang, rau muống.. | | (2 điểm) |
| 18 | |  | | --- | | **Việc nên làm** | | Không xả rác, nước thải ra biển gây ô nhiễm nguồn nước  Tuyên truyền mọi người hạn chế đánh bắt ở khu vực gần bờ, đặc biệt  là vào mùa sinh sản; mở rộng vùng khai thác xa bờ và Không dánh bắt bằng các hình thức hủy duyệt ( thuốc nổ, châm điện).  Báo ngay cho cơ quan chức năng khi có hành vi đánh bắt mang tính  hủy diệt  …. | | (1 điểm)  *Tùy theo múc độ trả lời của HS* |